

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 08-7-2020

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Cao

2. Bà Nguyễn Anh Thư

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Nga – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Ngày 08 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 137/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Tạ Thị Bích N, sinh năm 2000 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đ.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Tấn Th, sinh năm 1995 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 1, xã N, huyện B, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/02/2020, nguyên đơn Tạ Thị Bích N trình bày tóm tắt như sau:

Chị và anh Nguyễn Tấn Th cưới nhau năm 2017, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh L cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 12/9/2018. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, do tính tính không hợp nhau. Vợ chồng đã không còn sống chung từ cuối năm 2019 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Th.

Về con chung: Chị N xác định chị và anh Th có 01 con chung tên là Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 26/4/2018, hiện đang sống chung với anh Th. Khi ly hôn, chị đồng ý để anh Th được quyền trực tiếp nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N xác định chị và anh Th không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai ngày 19/6/2020, bị đơn Nguyễn Tấn Th trình bày tóm tắt như sau:
Anh thống nhất với ý kiến của chị N về thời gian cưới nhau, kết hôn, con chung và mâu thuẫn vợ chồng. Nay chị N xin ly hôn, anh cũng xác định tình cảm vợ chồng đã không còn nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Th yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Tấn Đ.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Th không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Th xác định hai bên không có tài sản chung, không có nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, anh Th đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh Th không đến Tòa án để tham gia các phiên họp kiểm tra chứng cứ, hòa giải. Chị N có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn Tạ Thị Bích N và bị đơn Nguyễn Tấn Th có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về tính hợp pháp của quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh Th: Chị Tạ Thị Bích N và anh Nguyễn Tấn Th cưới nhau năm 2017, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh L cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 12/9/2018, nên quan hệ hôn nhân của chị N và anh Th là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn.

[2.2] Xét yêu cầu ly hôn của chị N thấy rằng: Chị N và anh Th đều thừa nhận vợ chồng có một số mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, các bên không thể hiện ý chí muốn hòa giải đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh Th.

[2.3] Về quyền nuôi con chung: Chị N và anh Th đều thống nhất ý kiến về việc anh Th được quyền trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 26/4/2018. Tuy cháu Đ chưa đủ 36 tháng tuổi nhưng do anh Th trực tiếp nuôi dưỡng từ khi chị N không còn sống chung với anh Th. Do đó, trên cơ sở ý kiến thống nhất thỏa thuận của các đương sự và thực hiện quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử quyết định anh Th được quyền trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Tấn Đ.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp sau này đương sự có tranh chấp về việc cấp dưỡng nuôi con thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[2.5] Về chia tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp sau này đương sự có tranh chấp về chia tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn Tạ Thị Bích N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn. Bị đơn Nguyễn Tấn Th không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85, Điều 86 và Điều 119 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Tạ Thị Bích N được ly hôn với anh Nguyễn Tấn Th.
2. Về quyền nuôi con chung: Anh Nguyễn Tấn Th được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 26/4/2018 (cháu Đ hiện đang sống chung với anh Th).
3. Chị N có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp chị N lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh Th có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị N theo quy định của pháp luật. Anh Th cùng các thành viên gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con của chị Ngân.
6. Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì chị N, anh Th, người thân thích của cháu Đ, Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình, Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ đều có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên theo quy định của pháp luật.
7. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Tạ Thị Bích N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn. Chuyển 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai thu số 0001977 ngày 29/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức sang thi hành án phí, nên chị N không phải nộp tiếp.
8. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.
9. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều

9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- Chi cục THADS huyện Bến Lức;
- UBND xã N;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Văn Khánh